

Phụ lục II
SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI
THEO NGÀNH NGHỀ NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm		
1	HỢP TÁC XÃ						
	Tổng số hợp tác xã	HTX	591	524	616	592	
	Chia ra:						
	Hợp tác xã nông nghiệp (gồm các ngành sau đây: nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; ngành khai thác muối)	HTX	459	402	494	467	
	Hợp tác xã công nghiệp - xây dựng	HTX	26	22	22	23	
	Hợp tác xã tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	HTX	9	9	9	9	
	Hợp tác xã thương mại - dịch vụ và lĩnh vực khác	HTX	97	91	91	93	
2	LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ						
	Tổng số LH hợp tác xã	LHHTX	5	7	7	8	
	Chia ra:						
	LH Hợp tác xã nông nghiệp (gồm các ngành sau đây: nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; ngành khai thác muối)	LHHTX	5	7	7	8	
	LH Hợp tác xã công nghiệp - xây dựng	LHHTX	-	-	-	-	
	LH Hợp tác xã tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	LHHTX	-	-	-	-	
	LH Hợp tác xã thương mại - dịch vụ và lĩnh vực khác	LHHTX	-	-	-	-	
3	TỔ HỢP TÁC						
	Tổng số tổ hợp tác	THT	1.300	1.450	1.450	1.570	
	Chia ra:						
	Tổ hợp tác nông nghiệp (gồm các ngành sau đây: nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; ngành khai thác muối)	THT	1.222	1.372	1.372	1.472	
	Tổ hợp tác công nghiệp - xây dựng	THT	32	32	32	52	

	Tổ hợp tác tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	THT	-	-	-	-	
	Tổ hợp tác thương mại - dịch vụ và lĩnh vực khác	THT	46	46	46	46	